

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2025/DS-PT

Ngày: 25-3-2025

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đức

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh

Bà Nguyễn Thị Rên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2025/TLPT-DS ngày 12 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 111/2024/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 863/2025/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn X, sinh năm 1958. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1936. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Bùi Minh L, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1956 (Con bà Đ). Địa chỉ: ấp D, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- + Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 (Con bà Đ). Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)
- + Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 (Con bà Đ). Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)
- + Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1976 (Con bà Đ). Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)
- + Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1966 (Con bà Đ). Địa chỉ: ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)
- + Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1949 (Con bà Đ). Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)
- + Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1964 (Con bà Đ). Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)
- + Bà Đặng Thị T2, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)
- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn X là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm;

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2020, những lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Lê Văn X trình bày:

Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre là của bà Quách Thị N (Bà ngoại của ông Lê Văn X). Bà N khai phá phần đất tranh chấp từ năm 1950, sau đó sử dụng đất đến năm 1989 bà N chết. Từ năm 1989, bà Lê Thị T3 (Mẹ của ông X) sử dụng đất đến năm 2002 thì bà T3 chết. Ông X quản lý, sử dụng đất tranh chấp từ năm 2002 đến năm 2006, sau đó ông X đăng ký bản đồ địa chính xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Năm 2008, bà Võ Thị Đ có phần đất liền kề với phần đất đang tranh chấp, trong quá trình sử dụng đất của bà Đ, bà Đ sử dụng luôn phần đất đang tranh chấp thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 16. Bà Đ cho rằng phần đất đang tranh chấp là của bà. Sau khi phát hiện bà Đ sử dụng phần đất đang tranh chấp, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông X, hai bên không thỏa thuận được và phát sinh mâu thuẫn. Ông X gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện B yêu cầu giải quyết, tuy nhiên hòa giải không thành nhưng Ủy ban nhân dân xã T, huyện B không chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Bình Đại thụ lý, giải quyết. Đến năm 2020, ông Lê Văn X tiếp tục gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã

T, huyện B, tuy nhiên hòa giải không thành, sau đó chuyển về Tòa án nhân dân huyện Bình Đại thụ lý và xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Văn X vẫn giữ nguyên quan điểm tại đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 04/5/2024, cụ thể, ông Lê Văn X yêu cầu Tòa án xét xử buộc bà Võ Thị Đ phải trả lại phần đất thuộc thửa 98-1, có diện tích 120,9 m² thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre thuộc các điểm H, B, C, F, G, H theo họa đồ hiện trạng phần đất đang tranh chấp ngày 17/5/2024. Trường hợp yêu cầu khởi kiện của ông X được chấp nhận, ông X không yêu cầu thửa 98-2 có diện tích 0,4 m².

Ông Lê Văn X thống nhất với kết quả đo đạc, định giá phần đất đang tranh chấp, không có ý kiến, khiếu nại gì.

Tại bản tự khai ngày 25/12/2023 của ông Bùi Minh L, những lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Võ Thị Đ, ông Bùi Minh L trình bày:

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre là của ông Nguyễn Văn Đ1 (Ông Đ1 là cha ông Nguyễn Văn Đ2). Ông Đ1 khai phá, sử dụng từ năm 1950, ông Đ1 sử dụng đến năm 1975 thì già yếu. Do đó ông Nguyễn Văn Đ2 tiếp tục sử dụng từ năm 1975 đến năm 2013. Trong năm 2013, ông Đ2 chết, sau đó bà Võ Thị Đ tiếp tục canh tác, sử dụng đất tranh chấp cho đến nay. Phần đất đang tranh chấp theo số liệu đo đạc chính quy thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre, tuy nhiên theo số liệu cũ là thửa đất số 3, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Phần đất này hộ ông Nguyễn Văn Đ2 được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre cấp vào năm 1996 với diện tích là 5.700 m². Năm 2005, đo đạc chính quy mới tách thửa đất số 3, tờ bản đồ số 4 thành các thửa 360, 469, 125 cùng tờ bản đồ số 16, đều do bà Võ Thị Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 16 chưa kịp cấp cho bên bà Đ thì bên ông X tranh chấp nên đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 16 hiện tại chưa ai đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa đất số 3, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre có diện tích là 5.700 m², tuy nhiên các thửa đất mới được tách ra là 360, 469, 125 cùng tờ bản đồ số 16 diện tích vẫn chưa đủ. Nếu tính luôn diện tích thửa đất đang tranh chấp là thửa đất số 98, tờ bản đồ số 16 thì mới đủ diện tích đất của bà Đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Bùi Minh L đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Văn X để bên bị đơn Võ Thị Đ có cơ sở

tiếp tục liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất đang tranh chấp.

Ông Bùi Minh L thống nhất với kết quả đo đạc, định giá phần đất đang tranh chấp, không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn D (các con của bà Đ) có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt và không có ý kiến, yêu cầu gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị T2 trình bày: Ranh theo hiện trạng đất tranh chấp mà hai bên thỏa thuận thì thửa đất số 483, tờ bản đồ số 16 của bà T2 lấn sang thửa 98, tờ bản đồ số 16 là 0,4 m². Tuy nhiên thửa đất số 98, tờ bản đồ số 16 lấn sang thửa đất số 483, tờ bản đồ số 16 của bà T2 là 0,9 m². Bà T2 yêu cầu lấy ranh theo hồ sơ địa chính để không có sự sai lệch ranh giới giữa hai thửa đất, bởi vì bà T2 đã được Sở T4 và Môi trường cấp sổ hồng đối với thửa đất 483, tờ bản đồ số 16 vào ngày 18/9/2020. Bên bà T2 đồng ý trả lại thửa 98-2 có diện tích là 0,4 m². Bà T2 yêu cầu nhận lại thửa 483-1 có diện tích là 0,9 m² để thửa đất số 483, tờ 16 với thửa 98, tờ 16 không bị sai lệch và không chỉnh sửa lại hồ sơ địa chính.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 111/2024/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tuyên:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 68, 91, 157, 165, 264, 266, 267, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 690 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 4, 20, 24 Luật Đất đai năm 1993, Các Điều 4, 5, 26, 166 Luật Đất đai năm 2013.

Áp dụng Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn X đối với bị đơn Võ Thị Đ về việc tranh chấp phần đất có diện tích 120,9 m², thuộc một phần thửa đất số 98, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

* Phần đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa đất số 126, tờ bản đồ số 16 của ông Nguyễn Văn D.
- Hướng Tây giáp thửa đất số 483, tờ bản đồ số 16 của bà Đặng Thị T2.

- Hướng Nam giáp thửa đất số 125, tờ bản đồ số 16 của bà Võ Thị Đ.
- Hướng Bắc giáp đường xã T.

(Kèm theo họa đồ hiện trạng phần đất đang tranh chấp ngày 17/5/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B).

2. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bên bà Võ Thị Đ với bà Đặng Thị T2 thống nhất xác định ranh theo hồ sơ địa chính đối với thửa đất số 483, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 98, tờ bản đồ số 16 cùng tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Bà Võ Thị Đ, bà Đặng Thị T2 thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Lê Văn X thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

4. Về chi phí tố tụng.

Ông Lê Văn X phải chịu số tiền 2.030.000 (hai triệu không trăm ba mươi nghìn) đồng. Trong đó, tiền do đặc là 1.581.000 đồng, tiền định giá là 350.000 đồng, tiền yêu cầu cung cấp thông tin là 99.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn X không được chấp nhận toàn bộ nên ông X phải chịu toàn bộ và đã nộp xong.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự và thi hành bản án.

Ngày 13/8/2024, nguyên đơn ông Lê Văn X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Theo nội dung kháng cáo, ông X yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Võ Thị Đ có nghĩa vụ trả lại phần đất đang tranh chấp thuộc thửa 98, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre, có diện tích 120,9m².

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn – ông Lê Văn X giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Xét thấy kháng cáo của phía nguyên đơn là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không nhận kháng cáo của ông Lê Văn X. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Lê Văn X; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Lê Văn X kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Về quá trình sử dụng đất, trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa, hai bên đương sự khai có sự mâu thuẫn đối với việc sử dụng thửa đất số 98, tờ bản đồ số 16, cụ thể hai bên đều khai phần đất đang tranh chấp do ông, bà để lại và sử dụng xuyên suốt, liên tục trước và sau năm 1975. Hiện tại, phần đất đang tranh chấp không có nhà cửa, công trình kiến trúc và cây trồng trên đất, hai bên đều không chứng minh được quá trình sử dụng đối với phần đất đang tranh chấp, đồng thời, hai bên cản trở nhau trong việc sử dụng phần đất tranh chấp nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét kháng cáo của ông Lê Văn X, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Công văn số 978/UBND ngày 12/10/2023, Ủy ban nhân dân xã T có nêu “Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp trước năm 1989, bà Quách Thị N (Bà ngoại của ông X) quản lý, sử dụng. Năm 1989, bà N chết, thửa đất bắt đầu tranh chấp và không có ai sử dụng cho đến nay. Theo sổ mục kê được lập năm 1996 thì ông Nguyễn Văn Đ2 đăng ký kê khai. Theo bản đồ địa chính được lập năm 2010 thì không ai đứng ra kê khai nên ghi tên là UBND xã”. Như vậy, về quá trình sử dụng đất tranh chấp hai bên khai không thống nhất với thông tin do Ủy ban nhân dân xã T cung cấp, đồng thời, từ năm 1989 đến nay chưa có căn cứ để xác định phần đất đang tranh chấp do ai trực tiếp sử dụng.

Tại Công văn số: 5082/CNBD ngày 27/12/2023, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B nêu “Thửa đất số 98, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre theo số liệu cũ 299 thuộc một phần thửa đất số 03,

tờ bản đồ số 04; Thửa đất số 98, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Ngoài ra, tại biên bản xác minh ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đối với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B xác định: “...Vào năm 2008, do mở bản đồ cắt lớp có thông tin ông Lê Văn X nên trích lục năm 2008 ghi thửa 98, tờ bản đồ số 16 tại xã T tên chủ sử dụng là ông Lê Văn X, nên ông X đứng tên. Tuy nhiên, không có tiến hành thủ tục đăng ký gì hết, chỉ do đặc chính quy, ông X cung cấp thông tin và đội đo đạc điền tên vào bản đồ, chỉ mang tính chất tham khảo”.

Riêng trích lục bản đồ ngày 09/7/2024, tại mục tên người sử dụng đất ghi không có tên trong cơ sở dữ liệu đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre, lý do khai thác theo thông tin trong sổ mục kê. Trong sổ mục kê ghi thửa đất số 98, tờ bản đồ số 16, tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre không có tên người sử dụng, sổ mục kê chính quy lập vào ngày 29 tháng 10 năm 2010. Khi đó, sổ mục kê không cập nhật thông tin từ số liệu cũ cho nên mặc dù phần đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ2. Tuy nhiên, ông Đ2 không đăng ký theo sổ mục kê chính quy nên trong sổ mục kê chính quy không có tên ông Nguyễn Văn Đ2”.

Từ những cơ sở nêu trên, xét thấy: Thửa đất số 98, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre mà hai bên đang tranh chấp được tách ra từ thửa đất số 03, tờ bản đồ số 04, đồng thời thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ2 vào năm 1996. Tuy nhiên, do bên bị đơn không đăng ký hồ sơ đo đạc chính quy nên sổ mục kê chính quy không có tên bên ông Đ2. Đối với các chứng cứ bên nguyên đơn Lê Văn X cung cấp là ông X đứng tên trên trích lục bản đồ đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 16 (BL số 28) là do ông X khai tên khi đo đạc chính quy nên chỉ mang tính chất tham khảo.

Việc ông X cho rằng phần đất đang tranh chấp đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre là của ông X. Tuy nhiên, phần đất đang tranh chấp được Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bên bị đơn vào năm 1996. Ngoài ra, nguyên đơn Lê Văn X cũng không chứng minh được quá trình sử dụng đất xuyên suốt, liên tục lâu dài nên không có căn cứ xác định phần đất đang tranh chấp của ông Lê Văn X.

[3] Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của nguyên đơn – ông Lê Văn X cũng như những lời trình bày, tranh luận tại phiên tòa xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông X là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn X về việc buộc bà Võ Thị Đ trả lại phần đất đang tranh chấp có diện tích 120.9 m² thuộc một phần thửa đất số 98, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do ông X là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn X, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 111/2024/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 68, 91, 157, 165, 264, 266, 267, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 690 Bộ luật Dân sự năm 1995; các Điều 4, 20, 24 Luật Đất đai năm 1993; các Điều 4, 5, 26, 166 Luật Đất đai năm 2013.

Áp dụng Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn X đối với bị đơn Võ Thị Đ về việc tranh chấp phần đất có diện tích 120,9 m², thuộc một phần thửa đất số 98, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

* Phần đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa đất số 126, tờ bản đồ số 16 của ông Nguyễn Văn D.
- Hướng Tây giáp thửa đất số 483, tờ bản đồ số 16 của bà Đặng Thị T2.
- Hướng Nam giáp thửa đất số 125, tờ bản đồ số 16 của bà Võ Thị Đ.
- Hướng Bắc giáp đường xã T.

(Kèm theo họa đồ hiện trạng phần đất đang tranh chấp ngày 17/5/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B).

2. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bên bà Võ Thị Đ với bà Đặng Thị

T2 thống nhất xác định ranh theo hồ sơ địa chính đối với thửa đất số 483, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 98, tờ bản đồ số 16 cùng tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Bà Võ Thị Đ, bà Đặng Thị T2 thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

3. Về chi phí tố tụng.

Số tiền 2.030.000 (hai triệu không trăm ba mươi nghìn) đồng bao gồm tiền đo đạc là 1.581.000 đồng, tiền định giá là 350.000 đồng, tiền yêu cầu cung cấp thông tin là 99.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn X không được chấp nhận toàn bộ nên ông X phải chịu toàn bộ chi phí này và ông X đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

Ông Lê Văn X thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Phòng TT, KT&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Đức